

DÒNG TIỀN SỤT GIẢM MẠNH

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư tiếp tục xem xét mở vị thế mua trading ngắn hạn khi VN-Index giảm về vùng hỗ trợ quanh 1.250-1.260 điểm. Tập trung ở các ngành có triển vọng lợi nhuận quý 4 tích cực.
BÁN	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.275-1.288 điểm.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

SZC

THEO DÕI

↑ 9,05%

VND45.800

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu (13/12) trong trạng thái không đồng nhất của các chỉ số, trong đó Dow Jones có phiên giảm thứ 7 liên tiếp.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** TTCK trong nước vừa trải qua một tuần giao dịch không tích cực. Trái với tuần giao dịch bùng nổ đầu tháng 12, thị trường diễn biến tương đối ảm đạm trong tuần qua với xu hướng đi ngang là chủ đạo. VN-Index kết tuần ở mức gần thấp nhất tuần với mức thanh khoản sụt giảm mạnh cho thấy lực cầu suy yếu. Thị trường vẫn đang trong nhịp điều chỉnh tích lũy và mặc dù áp lực bán áp đảo hầu hết các phiên trong tuần, thanh khoản không có sự biến động lớn cho thấy phần lớn tâm lý chung vẫn là đứng ngoài quan sát chờ đợi.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	43.828,06	-0,20	16,29
S&P 500	6.051,09	0,00	26,86
Nasdaq	19.926,72	0,12	32,74
VIX	13,81	-0,79	10,92
DAX	20.405,92	-0,10	21,81
FTSE 100	8.300,33	-0,14	7,33
CAC40	7.409,57	-0,15	-1,77
Hang Seng	19.947,23	-0,12	17,01

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	55,55	BUY
MACD (12,26)	5,46	BUY
ADX (14)	17,27	NEUTRAL
SMA5	1.268,94	SELL
SMA20	1.246,52	BUY
SMA50	1.256,57	BUY
SMA100	1.257,58	BUY
SMA200	1.259,38	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Tâm lý của nhà đầu tư cổ phiếu ở Phố Wall đang bấp bênh trước thềm cuộc họp chính sách tiền tệ cuối cùng trong năm 2024 của Fed dự kiến diễn ra vào ngày 17-18/12. Thị trường đang lo ngại rằng sau khi Fed hạ lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong cuộc họp này, Chủ tịch Fed Jerome Powell sẽ phát tín hiệu tạm dừng nới lỏng chính sách tiền tệ.
- Giá dầu thô tăng khá mạnh, đạt mức cao nhất 3 tuần và hoàn tất một tuần tăng do các biện pháp trừng phạt mới có thể được áp lên Nga và Iran.
- Ông Ngô Lâm - Chánh văn phòng Bộ Xây dựng thông tin, tăng trưởng của ngành xây dựng năm 2024 khá quan, ước thực hiện đạt khoảng 7,8-8,2%, vượt chỉ tiêu Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 là 6,4-7,3%; tăng so với mức 7,3-7,75% của năm 2023.
- PNJ:** CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận công bố kết quả kinh doanh tháng 11 với doanh thu đạt 2.839 tỷ đồng, giảm 9% so với cùng kỳ. Tuy vậy, lợi nhuận sau thuế vẫn tăng 38,7% đạt 276 tỷ đồng. Đây cũng là mức lợi nhuận cao nhất 9 tháng gần đây của PNJ (kể từ tháng 3). Lũy kế 11 tháng đầu năm, công ty đạt doanh thu thuần 35.210 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.876 tỷ đồng, tăng lần lượt 19,4% và 8,3% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp bán lẻ đã thực hiện 94,8% kế hoạch doanh thu và 89,8% kế hoạch lợi nhuận cả năm.
- DGW:** Ngày 2/12, Digiworld đã kết thúc đợt phát hành 2 triệu cổ phiếu ESOP cho 80 nhân viên, người lao động. Qua đó, công ty tăng vốn điều lệ lên mức 2.193,2 tỷ đồng. Cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu trong tháng 12/2024 - tháng 1/2025.
- BSR:** Ngày 12/12, HOSE đã chính thức chấp thuận cho đăng ký niêm yết đối với cổ phiếu BSR, tạo ra một bước ngoặt lịch sử trong tiến trình phát triển của CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- DCM:** Tại Hội nghị Tổng kết công tác Đảng năm 2024 và Hội nghị Người lao động năm 2025 của CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau, lãnh đạo doanh nghiệp thông tin tổng doanh thu năm nay ước đạt 13.661 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế khoảng 1.270 tỷ; tăng lần lượt hơn 5% và 1% so với năm 2023. Tính riêng quý IV, doanh thu Đạm Cà Mau ước đạt 4.106 tỷ đồng, lãi trước thuế 141 tỷ đồng; tăng 17% về doanh thu song giảm 74% về lợi nhuận so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.653,73	0,21	28,64
Dầu WTI	71,00	-0,41	-0,91
Dầu Brent	74,28	-0,28	-3,58
Than	130,75	-1,32	-10,69
Đồng	9.052,50	-0,43	5,77
Quặng sắt	105,78	-1,80	-23,30
Thép	482,50	-0,31	-14,55

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,821	-0,17	5,42
USD/JPY	153,8	-0,10	-8,30
USD/CNY	7,2747	-0,02	-2,40
EUR/USD	1,0519	0,17	-4,71
GBP/USD	1,2633	0,11	-0,77

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	506,94	149.500	-0,47
HPG	470,78	27.200	-1,09
SSI	283,39	25.800	-0,77
MWG	337,97	61.000	1,67
DXG	115,61	17.800	-1,11

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	520.344,40	93.100	-0,43
BID	264.500,23	46.400	-0,43
FPT	219.924,84	149.500	-0,47
CTG	195.199,20	36.350	0,14
HPG	173.978,01	27.200	-1,09

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

SZC

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

42.950

45.800

9,05%

41.000-42.000

<40.000

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Trong 9 tháng đầu năm 2024 (9T 2024), doanh thu của SZC tăng 15% so cùng kỳ khi đạt 641 tỷ đồng. Đối với mảng KCN, doanh thu 9T 2024 tăng 23% khi đạt 568 tỷ đồng, trong đó tỷ trọng từ bàn giao cho SNZ và D2D lần lượt chiếm 30% và 23%.
- Biên lợi nhuận gộp tăng lên 52,1% trong 9T 2024 từ mức 46,1% trong 9T 2023, chủ yếu do giá bán trung bình tại KCN Châu Đức tăng (giá chào bán hiện tại khoảng 100 USD/m²). Lãi ròng 9T 2024 tăng 39% so cùng kỳ khi đạt 227 tỷ đồng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- SZC là một trong số các mã cổ phiếu giữ được xu hướng tăng ngắn hạn tích cực. Tuy nhiên, cổ phiếu đang chịu áp lực điều chỉnh khi tiến tới vùng cản quanh 44.000 đồng. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với cổ phiếu SZC, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 41.000-42.000 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	859	818	165
LNTT (tỷ đ)	244	267	73
LNST (tỷ đ)	197	219	60
Nợ/VCSH (%)	172	154	79
ROE (%)	11,67	11,89	11,75
ROA (%)	3,30	3,29	3,87
EPS (VNĐ)	1.197	1.331	1604,46
P/E (lần)	15,0	27,5	26,77
P/B (lần)	1,71	3,08	2,55

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	62,22	BUY	
MACD (12,26)	0,84	BUY	
ADX (14)	24,72	BUY	
SMA5	42.960	SELL	
SMA20	41.330	BUY	
SMA50	40.010	BUY	
SMA100	38.390	BUY	
SMA200	39.860	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
1	TCB	Theo dõi	23,5-23,9			26,3	22,7			
2	VPB	Theo dõi	18,8-19			20,5	17,9			
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			1,38%
2	STB	Nắm giữ	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30			7,94%
3	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			0,28%
4	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			2,09%
5	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			2,64%
6	PVD	Mua	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4			1,29%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	PLX	Cắt lỗ	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8	15/10/2024	42,8	-5,62%
6	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
7	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
8	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
9	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
10	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
11	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
12	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
13	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
14	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
15	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 10/10/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	~(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	~13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	~18-37%

Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	(Có thể DCA về 61-62)	~(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	~13%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nằm gọn	

Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	~(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	~7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	~13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room